

Bản án số: /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2020
Về việc: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hà.

Bà Nguyễn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở tòa án. TAND huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03/3/2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Trí Đ, sinh năm: 1962 (có mặt).

Cư trú: Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1963 (có mặt).

Cư trú: Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và trong quá trình xét xử ông Phạm Trí Đ trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Ông Đ và bà Nh chung sống vào năm 1979 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T vào năm 2009. Quá trình chung sống hạnh phúc, thời gian trước đây vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng thứ nhất là do Th tình vợ chồng không hợp nhau nữa, thứ hai do chuyện tiền bạc trong quá trình làm ăn và thứ ba là do bà Nh ghen tuông không có căn cứ. Ông và bà Nh đã ly thân từ tháng 8/2019 âm lịch cho đến nay, từ đó đến nay vợ chồng có gặp nhau, nhưng không quan tâm nhau. Nay ông xét thấy cuộc sống không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà Nh.

Về con chung: quá trình chung sống có 04 con chung tên: Phạm Hồng Ph, sinh năm: 1980; Phạm Trí T, sinh năm: 1984; Phạm Thanh Nh, sinh năm: 1986 và Phạm Thị Mỹ Tr, sinh năm: 1999, hiện 04 con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày tại biên bản hòa giải:

Qua lời trình bày của ông Đ về thời gian và điều kiện kết hôn, bà đồng ý. Giữa bà và ông Đ vẫn chung sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 8/2019 âm lịch ông Đ bỏ nhà đi cho đến nay, từ đó đến nay vợ chồng vẫn gặp nhau, nhưng do ông Đ không về nhà, nên vợ chồng không hàn gắn được. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của ông Đ, bà không đồng ý vì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn để phải dẫn đến ly hôn. Nay bà thấy vợ chồng có thể hàn gắn lại hạnh phúc để lo cho tương lai các con, nên ông Đ yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý.

Về con chung: có 04 con chung hiện đều đã trưởng thành như lời trình bày của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: tại phiên tòa ông Đ và bà Nh thống nhất trình bày là vợ chồng chung sống với nhau vào năm 1979 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T vào ngày 23/4/2009, nên cuộc hôn nhân của ông Đ và bà Nh là hôn nhân hợp pháp. Theo ông Đ thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do Th tình vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn chuyện tiền bạc trong quá trình làm ăn và do bà Nh ghen tuông không có căn cứ. Ông Đ và bà Nh cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 8/2019 âm lịch cho đến nay, từ đó đến nay vợ chồng có gặp nhau, nhưng không quan tâm nhau và cũng không hàn gắn được hạnh phúc. Nay ông Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn. Bà Nh khi tòa án tiến hành hòa giải thì không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa bà Nh đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa ông Đ và bà Nh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: ông Đ và bà Nh trình bày thống nhất là quá trình chung sống có 04 con chung tên: Phạm Hồng Ph, sinh năm: 1980; Phạm Trí T, sinh năm: 1984; Phạm Thanh Nh, sinh năm: 1986 và Phạm Thị Mỹ Tr, sinh năm: 1999, hiện 04 con đã trưởng thành, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: ông Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trí Đ.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Trí Đ và bà Nguyễn Thị Nh.

2. Về án phí: ông Phạm Trí Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000831, ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh L;
- VKS huyện T;
- THA huyện T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN ĐỨC BẢO

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 3 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo

Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hà.

Bà Nguyễn Thị Duyên

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2020/TLST- HNST ngày 03 tháng 3 năm 2020 về vụ án ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Trí Đ, sinh năm: 1962.

Cư trú: Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1963.

Cư trú: Khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về những vấn đề cần giải quyết:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trí Đ.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trí Đ và bà Nguyễn Thị Nh.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về án phí: Về án phí: ông Nguyễn Trí Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000831, ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

PHAN VĂN HÀ

NGUYỄN THỊ DUYÊN

NGUYỄN ĐỨC BẢO
